

Bản án số: 30/2025/DS- PT

Ngày 20/3/2025

“V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thúy Hằng
Ông Bùi Đăng Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2024/TLPT- DS ngày 18/11/2024 về việc Tranh chấp chia di sản thừa kế, do bản án Dân sự sơ thẩm số 49/2024/DS- ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2025/QĐXX-PT ngày 20/01/2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị L**, sinh năm 1962; Địa chỉ: 1 B, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L:* Ông Nguyễn Kiều Đ – Luật sư văn phòng L5; Địa chỉ: Số A Hồ N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh **Ngô Xuân Q**, sinh năm 1990 và chị **Ngô Thị V**, sinh năm 1988; Đều ở địa chỉ: Số B đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. *Người đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Xuân Q:* Chị Ngô Thị V. Tại phiên tòa chị V đề nghị Tòa án xác định địa chỉ hiện tại chị đang ở: Số A đường P, phường L, TP ., tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của chị V: Ông Nguyễn Ngọc T; bà Trịnh Thị L1, thuộc Công ty L6- Chi nhánh H2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị V: Bà Trịnh Thanh H, thuộc Công ty L6- Chi nhánh H2.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Ngô Thị L2**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn N, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Ngô Thị L.

+ Ông **Ngô Văn T1**, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Số B đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Ông Đ đề nghị vắng mặt, những người còn lại đều có mặt).

** Người kháng cáo:* Chị **Ngô Thị V**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Bố mẹ đẻ của bà L là cụ Luyện Thị N, sinh năm 1938 (chết ngày 03/7/2018) và cụ Ngô Văn H1, sinh năm 1936 (chết năm 2020). Bố mẹ bà L có 03 người con là: Ông Ngô Văn T1 (*là bố đẻ của anh Ngô Xuân Q và chị Ngô Thị V*), bà Ngô Thị L2 và bà Ngô Thị L. Bố mẹ bà đã ly hôn từ năm 1984, kể từ đó cụ N không kết hôn với ai. Năm 2008 cụ N mua nhà đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 18, diện tích 36,0 m², mục đích sử dụng là đất ở đô thị và ngôi nhà một tầng gắn liền với thửa đất số 48, địa chỉ nhà đất ở số D phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương; tài sản này cụ N được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/8/2009. Đây là tài sản riêng của cụ N hình thành sau khi cụ N đã ly hôn. Cụ N đã chuyển đến ở tại nhà đất này một mình cho đến khi chết. Cụ N không có người con riêng, con nuôi nào. Bố mẹ cụ N chết trước cụ N. Trước khi chết cụ N không để lại nghĩa vụ về tài sản, ngoài di sản trên không còn di sản nào khác. Bà L và bà L2 cũng không có công sức đóng góp vào di sản trên.

Khi cụ N còn sống, vào ngày 23/01/2014, tại Phòng C tỉnh Hải Dương, cụ N lập di chúc định đoạt nhà đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 18, diện tích 36,0 m², địa chỉ : Số D phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương cho Anh Ngô Xuân Q được hưởng 1/6 di sản; Chị Ngô Thị V được hưởng 1/6 di sản; Bà Ngô Thị L được hưởng 1/3 di sản; Bà Ngô Thị L2 được hưởng 1/3 di sản.

Sau khi cụ N chết, bà là người trông nom quản lý di sản. Trong thời gian qua, bà cùng với bà Ngô Thị L2 đã đặt ra vấn đề phân chia di sản theo di chúc với anh Ngô Xuân Q và chị Ngô Thị V, nhưng anh Q và chị V không hợp tác, thậm chí bà đã gửi thư cho anh Q và chị V mục đích để vận động hợp tác thỏa thuận phân chia nhưng cả hai người đều không phản hồi, vì vậy đã làm phát sinh tranh chấp chia thừa kế theo di chúc đối với di sản của cụ N để lại.

Nay, bà L yêu Tòa án công nhận di chúc ngày 23/01/2014 hợp pháp và phân chia di sản của cụ N là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 18, diện tích 36,0 m², địa chỉ số D phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương theo di chúc của cụ L3. Bà đề nghị Tòa án giao cho bà được hưởng bằng hiện vật, bà L có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền cho anh Q và chị V đối với phần thừa kế họ được hưởng. Bà L2 có quan điểm đối với phần thừa kế của bà L2 được hưởng theo di chúc xin được nhận bằng hiện vật và bà L2 tự nguyện cho bà L phần thừa kế được hưởng, bà đồng ý. Bà xác định nhà và các công trình khác xây trên đất do đã cũ và xuống cấp không còn giá trị bà không đề nghị phân chia, sau này giao cho người nào được nhận bằng hiện vật thì người đó được hưởng và có toàn quyền quyết định.

Đối với phần công trình đã xây dựng không nằm trong diện tích đất cụ N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà thuộc đất do UBND phường quản lý, khi nào UBND phường có yêu cầu gia đình sẽ có trách nhiệm thực hiện, không đề nghị xem xét trong vụ án này.

Tại bản tự khai, biên bản làm việc tại Tòa án, anh Q và chị V trình bày: Anh chị là con của ông Ngô Văn T1. Ông bà nội của anh chị là cụ Luyện Thị N và cụ Ngô Văn H1. Cụ H1 và cụ N đã ly hôn trước khi cụ N mua và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 18 diện tích 36,0 m² địa chỉ: Số D phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Các cụ L3, H1 có 03 con chung là: Ông Ngô Văn T1, bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị L2. Nhà đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 18 diện tích 36,0 m² là tài sản riêng của cụ N và là di sản thừa kế của cụ N để lại. Hiện trên đất có 01 nhà cấp 4 diện tích 36 m² lợp proximang. Trước khi chết cụ N có để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ về tài sản, và không còn di sản nào khác. Anh chị cũng không có công sức đóng góp vào di sản trên. Cụ N không có con riêng, con nuôi, bố mẹ nuôi nào khác. Bố mẹ đẻ cụ N chết trước cụ N.

Di chúc ngày 23/01/2014, cụ N đã phân chia di sản cho anh chị, bà L và bà L2 được hưởng như nguyên đơn trình bày.

Sau khi cụ N chết thì không ai trực tiếp ở đó mà khóa lại, con cháu chỉ đến hương khói những ngày lễ và giỗ.

Anh, chị xác định di chúc cụ N lập ngày 23/01/2014 tại Phòng C là hợp pháp và đồng ý về việc nguyên đơn đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế theo di chúc cụ N đã lập. Do nhà xây trên đất đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng nên anh chị không đề nghị phân chia nhà mà chỉ đề nghị phân chia di sản thừa kế là đất, sau này ai được Tòa án giao bằng hiện vật thì có toàn quyền quyết định. Đối với phần công trình đã xây dựng không nằm trong diện tích đất cụ N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà thuộc đất do UBND phường quản

lý, khi nào UBND phường có yêu cầu gia đình sẽ có trách nhiệm thực hiện, không đề nghị xem xét trong vụ án này.

Chị V đề nghị được hưởng 1/6 di sản của cụ N bằng hiện vật và sẽ thanh toán giá trị bằng tiền cho những người được hưởng theo di chúc là bà L và bà L2. Suất thừa kế của anh Q được hưởng theo di chúc, anh Q xin nhận bằng hiện vật và tự nguyện cho chị, chị đồng ý.

Ông Ngô Văn T1 trình bày: Bố mẹ ông là các cụ Luyện Thị N, Ngô Văn H1. Bố mẹ ông đã ly hôn trước khi cụ N mua và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 48 tờ bản đồ số 18 diện tích 36,0 m², địa chỉ: Số D phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Trong thời kỳ hôn nhân bố mẹ ông có 03 người con chung như nguyên đơn trình bày là đúng, ngoài ra bố mẹ ông không có con riêng, con nuôi, bố mẹ nuôi nào. Nhà đất tại thửa 48, tờ bản đồ số 18 diện tích 36,0 m² là tài sản riêng của cụ N. Trước khi chết cụ N có để lại di chúc ngày 23/01/2014, không để lại nghĩa vụ về tài sản và không còn di sản nào khác. Ông không có công sức đóng góp vào di sản trên.

Sau khi mẹ ông chết thì ông mới biết mẹ ông để lại di sản cho em gái ông là các bà L, bà L2 và con của ông là Ngô Xuân Q và Ngô Thị V. Ông không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND phường P trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 48 tờ bản đồ số 18 diện tích 36 m² tại địa chỉ số D phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương do cụ N nhận chuyển nhượng từ ông L4 đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Luyện Thị N, hình thức sử dụng riêng 36 m², mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị, thời hạn sử dụng đất lâu dài. Tài sản gắn liền với đất là nhà chính 01 tầng diện tích xây dựng 36m². Ngoài phần đất trong giấy chứng nhận 36m² còn thể hiện phía bắc đã xây nhà cấp 4 diện tích 6m², phía nam 5,14m² (theo hiện trạng phía bắc 6m², phía nam 3,2 m²) không nằm trong giấy chứng nhận, thuộc quyền quản lý của UBND phường, UBND phường không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá thể hiện: Diện tích đất thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Số D phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện trạng là 45 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 36 m²). Giá trị đất: 18.000.000 đồng/m² x 36,0 m² = 648.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2024/DS- ST ngày 10/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L:

- Công nhận Di chúc ngày 23/01/2014 của cụ Luyện Thị N là hợp pháp.

- Về chia di sản thừa kế:

+ Xác định di sản thừa kế của cụ Luyện Thị N là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 18, diện tích 36 m² và ngôi nhà một tầng diện tích xây dựng 36 m² gắn liền với thửa đất số 48, địa chỉ nhà đất: số D phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Xác định di sản của cụ N để lại trị giá là 648.000.000 đồng.

+ Xác định người được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Luyện Thị N gồm: bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị L2, anh Ngô Xuân Q, chị Ngô Thị V. Bà L, bà L2 mỗi người được hưởng 1/3 giá trị di sản = 216.000.000 đồng. Anh Q và chị V mỗi người được hưởng 1/6 giá trị di sản = 108.000.000 đồng.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị L2 cho bà Ngô Thị L hưởng phần thừa kế bà L2 được hưởng.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ngô Xuân Q cho chị Ngô Thị V hưởng phần thừa kế anh Q được hưởng.

- Về chia hiện vật:

+ Giao cho bà Ngô Thị L sở hữu thửa đất số 48, tờ bản đồ số 18, diện tích 36,0 m² và ngôi nhà một tầng diện tích xây dựng 36 m² gắn liền với thửa đất số 48, địa chỉ nhà đất: số D phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*Có sơ đồ đất kèm theo*).

+ Buộc bà Ngô Thị L có trách nhiệm thanh toán cho chị Ngô Thị V số tiền là 216.000.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 10/9/2024, chị V có đơn kháng cáo kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xử hủy bản án dân sự sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án đã không xem xét khách quan vụ việc, chưa làm rõ những vấn đề liên quan đến vụ án, áp đặt ý chí chủ quan đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị V giữ nguyên kháng cáo không nhất trí bản án sơ thẩm, chị thay đổi nội dung kháng cáo không đề nghị hủy bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm; theo chị V về giá trị đất (di sản của cụ N để lại) cấp sơ thẩm định giá là thấp nhưng hiện chị cũng không đề nghị xem xét định giá lại để giữ tình cảm cô cháu trong gia đình, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết giao cho chị V và anh Q được hưởng

phần di sản của cụ N để lại bằng hiện vật để đảm bảo chỗ ở cho chị và thuận lợi cho con của chị đi học hàng ngày.

Chị V, người đại diện và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị V trình bày đưa ra các lý lẽ, lập luận và các căn cứ đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao nhà đất (di sản của cụ N) cho chị V quản lý, sử dụng và chị V tự nguyện thanh toán trả cho các bà L, L2 tiền chênh lệch di sản là 864.000.000 đồng.

Bà L, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà L (qua bản trình bày gửi Tòa án) và bà L2 đều trình bày quan điểm nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định về quyền nghĩa vụ quy định về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về đường lối giải quyết vụ án: Đối với kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm; Về án phí phúc thẩm: Chị V phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của chị V được làm trong thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của chị V không nhất trí bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chia cho chị V, anh Q hưởng di sản bằng hiện vật, với những lý lẽ căn cứ đã trình bày trong đơn trình bày bổ sung nội dung kháng cáo gửi Tòa phúc thẩm và việc chị V và người đại diện trình bày đã được làm rõ tại phiên tòa, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cấp sơ thẩm và qua việc làm rõ tại phiên tòa cùng các tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án thì thấy hiện các đương sự đều thống nhất nội dung: Di sản thừa kế cụ N để lại là quyền sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 18, diện tích 36 m², và ngôi nhà một tầng diện tích xây dựng 36 m² gắn liền với thửa đất số 48, địa chỉ nhà đất: số D phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Tổng giá trị di sản của cụ N để lại = 648.000.000 đồng, ngoài ra cụ N không còn di sản nào để lại. Những người hưởng di sản thừa kế theo di chúc cụ N lập ngày

23/01/2014 gồm có các bà L, L2 và anh Q, chị V. Theo di chúc đã xác định, bà L và bà L2 mỗi người được hưởng 1/3 di sản của cụ N, anh Q, chị V mỗi người được hưởng 1/6 di sản của cụ N.

[2.2] Tài liệu theo hồ sơ vụ án thể hiện trình tự thủ tục thu thập tài liệu chứng cứ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm đã được thực hiện theo đúng trình tự, quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm không có đương sự nào có ý kiến thắc mắc khiếu nại gì về trình tự, thủ tục việc giải quyết vụ án. Thành phần HĐXX tại cấp sơ thẩm đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Về đường lối giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm, HĐXX thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[2.3.1] Cấp sơ thẩm đã xem xét, phân chia di sản của cụ N để lại cho 04 người được hưởng di sản thừa kế với phần di sản được hưởng theo đúng nội dung di chúc của cụ N đã lập.

[2.3.2] Việc cấp sơ thẩm đã xử giao cho bà L được hưởng di sản bằng hiện vật (quyền sử dụng đất) và có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch di sản cho chị V, anh Q với số tiền = 216.000.000 đồng là có căn cứ, bởi lẽ : Bà L đã ly hôn năm 2013, tại cấp phúc thẩm bà có đơn trình bày và xác định tại phiên tòa là hiện tại bà không có chỗ ở, đang phải đi ở nhờ nhà đất của anh Hoàng Minh T2, chị Phạm Thị Thu T3, địa chỉ: 1 phố B, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Thực tế bà L do được hưởng thêm phần di sản do bà L2 tặng cho nên thực tế bà L được hưởng số di sản thừa kế lớn hơn phần di sản chị V được chia, bà L được hưởng 2/3 di sản, chị V được hưởng 1/3 di sản (Gồm phần di sản của chị V được hưởng và phần di sản anh Q được hưởng và đã cho lại chị V). Việc cấp sơ thẩm xem xét giao nhà đất cho bà L là phù hợp với nguyện vọng của bà L2 với mong muốn cho bà L phần di sản để bà L có điều kiện được nhận nhà đất để hai chị em bà có chỗ làm nơi thờ cúng bố mẹ và tổ tiên của gia đình của các bà, điều đó cũng phù hợp với phong tục tập quán truyền thống của người Việt Nam.

[2.4] Chị V kháng cáo sửa bản án sơ thẩm, đề nghị được giao phần di sản được hưởng bằng quyền sử dụng đất để tạo lập chỗ ở, nhưng không đưa ra được các lý lẽ, căn cứ chứng minh theo quy định của pháp luật và tại cấp phúc thẩm không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ theo quy định của pháp luật. Việc chị V trình bày mong muốn được nhận di sản là nhà đất và tự nguyện trả tiền chênh lệch di sản được hưởng cho các bà L, L2 để đảm bảo về chỗ ở cho chị V và thuận tiện cho việc con chị đi học hàng ngày, nhưng bà L2 và L tại phiên tòa không nhất trí, do đó HĐXX không có cơ sở xem xét để chấp nhận đề nghị này của chị V.

[2.5] Từ phân tích, nhận định trên, HĐXX thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị V, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Ngô Thị V.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 49/2024/DS- ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
3. Về án phí: Chị Ngô Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được đối trừ số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Hải Dương (*chị V đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm*).
4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 20/3/2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND TP. Hải Dương;
- Chi cục THA DS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS; lưu toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Anh Tuyết

